Tạp chí KHLN số 4/2018 (5 - 14)
©: Viện KHLNVN - VAFS
ISSN: 1859 - 0373 Đăng tải tại: www.vafs.gov.vn

NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG CÂY THUỐC Ở XÃ LIÊN MINH, HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Thu Hiền[1*], Trịnh Đình Khá[2], Nguyễn Minh Hiếu[1], Lồ Di Mềnh[1], Vảng Sảo Hai[1]

[1]Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
[2]Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá đa dạng nguồn cây thuốc được sử dụng trong cộng đồng dân tộc Dao ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Các phương pháp sử dụng gồm có: thu thập mẫu vật, phỏng vấn, định danh tên loài, đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc và đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xác định được 71 loài cây thuốc thuộc 64 chi, 46 họ được cộng đồng dân tộc ở khu vực nghiên cứu sử dụng trong phòng và chữa bệnh cho người dân. Cây thuốc thuộc 7 dạng sống chính gồm: thân thảo, dây leo, gỗ nhỏ, cây bụi, gỗ trung bình, gỗ lớn và cây kí sinh. Cây thường phân bố ở 4 dạng sinh cảnh: rừng, vườn, đồi và ven sông, ven suối, ao. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì bộ phận cả cây, lá và rễ được sử dụng nhiều nhất. Nghiên cứu đã xác định được 13 nhóm bệnh được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc Dao ở xã Liên Minh, trong đó có 6 nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là: bệnh về tiêu hóa, thời tiết, xương khớp, thận, vết thương và gan. Có 2 loài cây thuốc cần bảo vệ đã được ghi nhận là: *Canarium tramdenum* Dai & Yakovl. (Trám đen), *Stephania sinica* Diels (Bình vôi tán ngắn).

Từ khóa: Cây thuốc, Đa dạng, Liên Minh, Võ Nhai, Thái Nguyên

Research on the diversity of medicinal plants in Lien Minh commune, Vo Nhai district, Thai Nguyen province

This study was conducted to assess the diversity of medicinal plant resources in Dao ethnic community in Lien Minh commune, Vo Nhai district, Thai Nguyen province. The methods used for collecting data consisted method of specimen collection, interview method, identification of the species name, method of medicinal plant resources diversity assessment, method of endangered medicinal plants level assessment. The results of research have identified initially 71 species of medicinal plants of 64 genera and 46 families which the ethnic community has used for diseases prevention and treatment. There are seven main life forms of the medicinal plants: herbaceous, vines, small wood trees, shrub, moderate wood trees, large wood trees, parasite. The trees distribution is often in many types of habitat: live in the forests, gardens, hills and along riverside, streams. In the parts used as medicine, the whole plant, leaves and roots are most used. The results show that there are 13 groups of disease treated which could be cured by the experience of using medicinal plants of Dao ethnic community in Lien Minh commune, of which 6 groups of diseases occupy the highest rate: digestive diseases, weather sickness, osteoarthritis disease, kidney disease, wound diseases, liver. There are 2 endangered medicinal plants: *Canarium tramdenum* Dai & Yakovl, *Stephania sinica* Diels.

Keywords: Diversity, medicinal plants, Lien Minh commune, Vo Nhai district, Thai Nguyen province

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã Liên Minh là một xã miền núi, nằm ở phía Nam của huyện Võ Nhai, cách trung tâm huyện 13 km, cách thành phố Thái Nguyên 27 km theo Tỉnh lộ 269D và Quốc lộ 17 (UBND xã Liên Minh, 2017). Xã có diện tích tự nhiên là 7.330,47 ha, có chủ yếu là rừng núi đất, trong đó có rừng tự nhiên nhiều tầng tán và có tầng thảm mục, còn một số là rừng sản xuất và rừng trồng của lâm trường, nên hệ động thực vật ở đây khá phong phú, nhất là thực vật làm thuốc. Bên cạnh đó, từ rất lâu đời, đồng bào các dân tộc thiểu số ở xã Liên Minh cũng có nhiều kinh nghiệm độc đáo về việc chữa bệnh bằng nguồn tài nguyên cây thuốc, mỗi dân tộc có những bản sắc và những kinh nghiệm chữa bệnh bằng thực vật rất đặc trưng. Trong số đó có cộng đồng dân tộc Dao là cộng đồng dân tộc có kinh nghiệm chữa bệnh bằng cây thuốc phong phú nhất. Tuy nhiên, hiện nay diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, tình trạng khai thác, mua bán diễn ra một cách phức tạp, dẫn đến nguồn tài nguyên cây thuốc ngày càng bị suy giảm, điều này kéo theo những hệ lụy về sự suy giảm nguồn tài nguyên cây thuốc là không thể tránh khỏi. Mặt khác những bài thuốc được cộng đồng dân tộc Dao ở đây sử dụng từ lâu đời trong việc phòng và chữa trị một số nhóm bệnh nhưng sự đa dạng của nguồn tài nguyên cây thuốc, tri thức sử dụng cây thuốc trong chữa trị bệnh, cơ sở khoa học của các bài thuốc được sử dụng trong cộng đồng dân tộc Dao ở xã Liên Minh chưa được nghiên cứu và chứng minh bằng con đường khoa học.

Xuất phát từ lý do trên chúng tôi tiến hành *"Nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên"*. Nghiên cứu này cung cấp những kết quả điều tra đa dạng nguồn cây thuốc là cơ sở khoa học để góp phần phát hiện, gây trồng và bảo tồn nguồn gen cây thuốc quý ở Liên Minh nói riêng và Thái Nguyên nói chung.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập mẫu vật: Mẫu vật được thu thập theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn năm 1997 (Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997).

Phương pháp phỏng vấn: Tại khu vực nghiên cứu, phỏng vấn các ông lang, bà mế, người dân có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc và sử dụng các bài thuốc gia truyền của cộng đồng dân tộc tại địa bàn nghiên cứu. Mẫu phiếu điều tra dựa theo phiếu điều tra cây thuốc trong cộng đồng và phiếu điều tra bài thuốc dân gian của Viện Dược liệu (Viện Dược liệu, 1993). Tiến hành thu thập đầy đủ các thông tin cây thuốc gồm: tên phổ thông, tên dân tộc; số hiệu mẫu; dạng sống; môi trường sống; bộ phận sử dụng làm thuốc (thân, rễ, hoa, quả, hạt,..); công dụng của nguồn tài nguyên cây thuốc.

Định danh tên loài: Định danh loài cây theo 2 bước chính như sau: (i) định danh tại thực địa; (ii) sử dụng kiến thức kinh nghiệm của các chuyên gia và nguồn tài liệu tin cậy đã công bố giám định lại, gồm: các khóa định loại, các bản mô tả trong tài liệu Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 2001), Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2005), Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Trung tâm NCTN&MT - Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện ST&TNSV - Viện Hàn Lâm Việt Nam, 2006).

Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc*:* dựa trên phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn trong các phương pháp nghiên cứu thực vật (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007).

- Đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc cần bảo vệ*:* xác định những cây thuốc thuộc diện cần bảo vệ, bảo tồn ở khu vực nghiên cứu theo các nguồn tài liệu tin cậy đã công bố gồm: Sách đỏ Việt Nam, phần thực vật rừng (Bộ KH&CN, 2007), Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam trong Cẩm nang cây thuốc cần được bảo vệ ở Việt Nam (Nguyễn Tập, 2007).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng về bậc taxon cây thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

Nghiên cứu cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Dao tại khu vực nghiên cứu đã tìm được 71 loài thực vật được sử dụng làm thuốc thuộc 64 chi, 46 họ và kết quả được tổng hợp tại bảng 1.

Bảng 1. Phân bố các ngành thực vật làm thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

STT	Ngành thực vật	Số họ	Số chi	Số loài
1	Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	42	60	67
1.1	Lớp hai lá mầm (Magnoliopsida)	38	49	55
1.2	Lớp một lá mầm (Liliopsida)	4	11	12
2	Ngành Dương xỉ (Pteridophyta)	2	2	2
3	Ngành Thạch tùng (Lycopodiophyta)	1	1	1
4	Ngành Dây gắm (Gnetophyta)	1	1	1
	Tổng	**46**	**64**	**71**

Bảng 1 cho thấy, ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) đã phát hiện được 42 loài (chiếm 94,36% tổng số loài), thuộc 60 chi (chiếm 93,75% tổng số chi) và 67 họ (chiếm 94,36% tổng số loài). Điều này có thể giải thích là hệ thực vật ở khu vực nghiên cứu bao gồm chủ yếu là các đại diện nằm trong ngành Ngọc lan, chúng là những loài cây mọc phổ biến ở quanh thôn xóm, ở đồi, ven sông suối và rừng. Vì vậy, đây cũng là những loài mà người dân thường gặp, nên đã lựa chọn để làm thuốc nhiều hơn các loài thực vật khác. Ngành Dương xỉ (Pteridophyta) thu thập được 2 loài có công dụng làm thuốc là *Equisetum debile* Roxb (Mộc tặc), *Lygodium flexuosum* Sw. (Thòng bong), chiếm 2,82% tổng số loài. Ngành Thạch tùng (Lycopodiophyta) và ngành Dây gắm (Gnetophyta) đều có 1 loài có công dụng làm thuốc là *Lycopodiella cernua* (Thông đất) và *Gnetum montanum* Mar kgr (Dây gắm).

Các loài trong ngành Mộc lan chiếm vai trò đặc biệt quan trọng trong các loài được sử dụng làm thuốc và để phân tích sâu hơn về thành phần các bậc taxon trong hai lớp của ngành Mộc lan là: Lớp hai lá mầm (Magnoliopsida) và Lớp một lá mầm (Liliopsida) được thể hiện qua số lượng và tỷ lệ phần trăm cụ thể trong Bảng 2.

Lớp Hai lá mầm (Magnoliopsida) có số họ, chi, loài được dùng làm thuốc ưu thế hơn hẳn so với lớp Một lá mầm. Lớp Hai lá mầm có 55 loài, chiếm tỷ lệ 82,09%; 49 chi, chiếm tỷ lệ 81,67% và 38 họ, chiếm tỷ lệ 90,48% so với tổng số loài, chi, họ trong ngành. Trong số này có các cây có giá trị như: loài *Clerodendrum cyrtophyllum* Turcz (Bọ mẩy) được dùng để chữa bệnh về viêm gan, tiểu đường; *Rhus chinensis* Meull (Muối) dùng để chữa bệnh kiết lị; *Euphorbia thymifolia* L. (Vú sữa đất) dùng chữa mất sữa sau khi sinh; *Embelia ribes* Burm. F (Vón vén) dùng chữa bệnh đậu lào; *Taxillus chinensis* (DC.) Dans (Tầm gửi) dùng chữa bệnh về viêm khớp; *Dioscorea cirrhosa* Lour (Củ nâu) dùng chữa các bệnh ngoài da...

Bảng 2. Số lượng họ, chi, loài thuộc 2 lớp trong ngành Ngọc lan

Magnoliophyta (Ngành Ngọc lan)	Họ		Chi		Loài	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
Magnoliopsida - Lớp Hai lá mầm	38	90,48	49	81,67	55	82,09
Liliopsida - Lớp Một lá mầm	4	9,52	11	18,33	12	17,91
Tổng	**42**	**100**	**60**	**100**	**67**	**100**

Như vậy, chúng ta có thể thấy các loài cây trong ngành Ngọc lan, nhất là các loài thuộc lớp Hai lá mầm (Magnoliopsida) chiếm tỷ lệ lớn và đóng vai trò quan trọng trong các loài thực vật làm thuốc được đồng bào dân độc Dao ở tại địa phương sử dụng.

Bảng 2 cho thấy, Lớp Một lá mầm (Liliopsida) có 12 loài (chiếm 17,91% so với tổng số họ trong ngành Ngọc lan), 11 chi (chiếm 18,33%), 4 họ (chiếm 9,52%). Tuy chiếm tỷ lệ không lớn, nhưng lớp này cũng có một số cây có giá trị như: loài *Smilax glabra* Wall. ex Roxb (Thổ phục linh) có tác dụng bổ máu; *Amomum villosum* Lour (Sa nhân) có tác dụng chữa tiêu chảy; *Curcuma zedoaria* (Berg.) Rosc (Nghệ đen) có tác dụng chữa dạy dày, xương khớp,...

Dưới đây là một số hình ảnh một số loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu:

A. *Gnetum montanum* Mar kgr - Dây gắm

B. *Clerodendrum cyrtophyllum* Turcz - Bọ mẩy

C. *Stephania glabra* (Roxb.) Miers - Bình vôi

D. *Amomum villosum* Lour - Sa nhân

E. *Heliciopsis lobata* (Merr.) Sleumer - Bàn tay ma

F. *Canarium album* Lour - Trám trắng

Hình 1. Hình ảnh một số loài cây được sử dụng làm thuốc tại khu vực nghiên cứu

3.2. Đa dạng về dạng sống của loài cây thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

Đa dạng về dạng sống của các loài thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu được thể hiện tại hình 2.

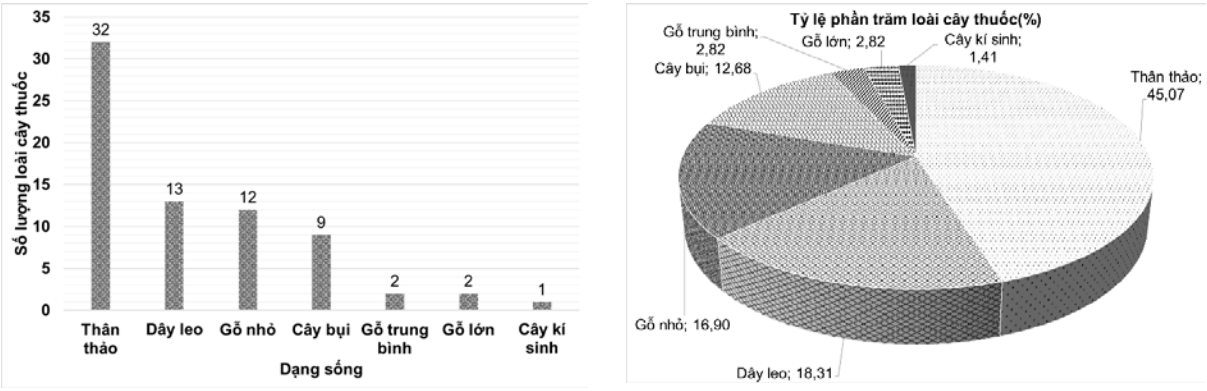

A B

Hình 2. Đa dạng về dạng sống của các loài cây thuốc tại xã Liên Minh, huyện Võ Nhai
A: Số lượng loài cây thuốc; B: Tỷ lệ % loài cây thuốc

Qua dữ liệu trên cho thấy, phần lớn các cây thuốc được cộng đồng dân tộc Dao ở xã Liên Minh sử dụng là dạng cây thân thảo, với 32/71 loài (chiếm tỷ lệ 45,07% so với tổng số các loài cây thuốc thu được) và tập trung chủ yếu trong họ Hòa thảo (Poaceae) được dùng để chữa các bệnh tiểu đường, tiểu buốt, thận, chữa ho, mỏi mệt... Ngoài ra còn có họ Gừng (Zingiberaceae) dùng để chữa các bệnh về dạ dày, xương khớp. Tiếp đến là dạng sống cây dây leo với 13/71 loài (chiếm 18,31%), dạng cây này tập trung chủ yếu các loài thuộc họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Tiết dê (Menispermaceae), họ Cà phê (Rubiaceae)... Đứng thứ ba là dạng sống cây gỗ nhỏ với 12/71 loài (chiếm 16,90%), dạng sống này tập trung chủ yếu các loài cây thuộc lớp Hai lá mầm, đại diện là họ Cửu lý hương (Rutaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Ngũ gia bì (Araliaceae)... Dạng sống thấp nhất là dạng cây kí sinh đạt 1/71 loài (chiếm 1,41%) đó là loài cây *Taxillus chinensis* (DC.) Dans (Tầm gửi) có tác dụng chữa bệnh viêm khớp.

3.3. Đa dạng về môi trường sống của loài cây thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

Việc phân chia các loại môi trường sống được căn cứ vào địa hình, đất đai, khí hậu, nơi mà cây thuốc đó phát triển. Cây thuốc ở khu vực nghiên cứu có các dạng môi trường sau:

- Sống ở đồi: cây sống ở đồi, đồi hoang, trảng cây bụi, chân đồi.

- Sống ở vườn: cây sống ở vườn, bờ ao, quanh làng bản.

- Sống ở rừng: cây sống ở rừng rậm, rừng thứ sinh, ven rừng.

- Sống ở ven suối: cây sống ở gần nơi nước chảy, ven khe suối, sông, nơi ẩm ướt.

Bảng 3. Sự phân bố của các loài cây thuốc theo môi trường sống

STT	Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ %
1	Sống ở rừng	35	49,30
2	Sống ở vườn	34	47,89
3	Sống ở đồi	22	30,99
4	Sống ở ven sông, ven suối, ao	8	11,27

Ghi chú: Tỉ lệ % trong bảng hơn 100% do một số loài có thể sống ở nhiều môi trường khác nhau.

Những dẫn liệu trên cho thấy:

- Số lượng các loài cây thuốc phân bố trong rừng chiếm tương đối nhiều với 35 loài (chiếm 49,30% so với tổng số loài thu được) nhưng phần lớn chúng đều là những cây có giá trị chữa bệnh được bà con đồng bào dân tộc Dao nơi đây sử dụng làm thuốc như: loài *Curcuma zedoaria* (Berg.) Rosc (Nghệ đen) là cây thân thảo thuộc lớp 1 lá mầm của ngành Ngọc lan có tác dụng chữa dạ dày và xương khớp; *Amomum vespertilio* Gagnep (Thiều đất) là cây thân thảo có tác dụng tăng dinh dưỡng sau sinh đẻ; *Cissus repens* Lamk (Na rừng) là cây thân bụi thuộc lớp Hai lá mầm của ngành Ngọc lan có công dụng chữa bệnh về thần kinh, xương khớp...

- Tại thời điểm nghiên cứu các loài thuốc quý trước kia phân bố ở rừng tần suất gặp không còn nhiều, thậm chí còn có loài đã không còn tồn tại và phải vào trong rừng sâu mới tìm thấy, có thể kể đến những loài cây như: *Smilax glabra* Wall. ex Roxb (Thổ phục linh) có tác dụng bổ máu; *Gnetum montanum* Markgr (Dây gắm) có tác dụng chữa thoái hóa; *Clerodendrum cyrtophyllum* Turcz (Bọ mẩy) có tác dụng chữa viêm gan B và tiểu đường... Mặt khác, nhận thức được thực trạng các loài cây thuốc trong rừng đã và đang có nguy cơ bị khai thác kiệt để bán sang Trung Quốc nên một phần nguồn cây thuốc đã được ông lang, bà mế và người dân đem về trồng tại môi trường ở vườn nhà và đạt đến 47,89% cây thuốc phân bố ở môi trường vườn ở khu vực xã Liên Minh, huyện Võ Nhai.

- Môi trường sống ở đồi có 22 loài cây thuốc phân bố và chiếm 30,99% so với tổng số loài cây thuốc phát hiện được ở khu vực nghiên cứu, các loài như: *Adenosma indiana* (Lour.) Merr (Bồ bồ) có tác dụng chữa bệnh viêm gan; *Imperata cylindrica* (L.) Beauv (Cỏ tranh) dùng chữa bệnh tiểu đường; *Amomum villosum* Lour (Sa nhân); *Drymaria diandra* Blume (Đơn xương); *Polygonum chiensis* L. (Thồm lồm)...

- Số lượng các loài cây phân bố trong môi trường sống ven sông, ven suối, ao chiếm tương đối ít chỉ đạt 8 cây (chiếm 11,27%). Đây chủ yếu là các loài ưa ẩm như: *Zanthoxylym nitidum* (Roxb.) DC (Hoàng lực) dùng chữa gan, thận và thoái hóa; *Polygonum perfoliatum* L. (Thồm lồm gai) dùng chữa viêm tai trẻ em; *Equisetum debile* Roxb (Mộc tặc) thuộc ngành Dương xỉ có tác dụng chữa bệnh thận; *Polygonum chiensis* L. (Thồm lồm)...

3.4. Đa dạng về bộ phận sử dụng của loài cây thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

Kết quả đa dạng bộ phận sử dụng của loài cây thuốc để chữa trị bệnh theo kinh nghiệm sử dụng của cộng đồng dân tộc Dao tại xã Liên Minh, huyện Võ Nhai được ghi tại Bảng 4.

Bảng 4. Đa dạng về bộ phận sử dụng của loài cây thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

STT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Cả cây	35	49,30
2	Lá	15	21,13
3	Rễ	12	16,90
4	Thân	7	9,86
5	Quả	7	9,86
6	Vỏ	5	7,04
7	Hạt	1	1,41

Ghi chú: Tỉ lệ % trong bảng hơn 100% do một số loài có thể sử dụng nhiều bộ phận khác nhau làm thuốc.

Bảng 4 cho thấy, đã xác định được có 7 bộ phận cây thuốc được cộng đồng dân tộc Dao sử dụng trong chữa trị bệnh cho người dân. Trong đó có 3 bộ phận được sử dụng nhiều nhất lần lượt là cả cây, lá và rễ. Cụ thể như sau:

- Cây dùng bộ phận cả cây làm thuốc chiếm tỉ lệ 49,30% trong tổng số loài được phát hiện (đạt 35 loài), có thể kể đến như loài *Eleusine indica* (L.) Gaertn (Cỏ mần trầu) thuộc họ Hòa

thảo của ngành Ngọc lan có tác dụng chữa bệnh tiểu buốt; *Taxillus chinensis* (DC.) Dans (Tầm gửi) thuộc họ Tầm gửi của ngành Ngọc lan có tác dụng chữa bệnh viêm khớp...

- Cây dùng bộ phận lá làm thuốc chiếm 21,15% tổng số loài được phát hiện (đạt 15 loài), có thể kể đến như loài: *Canarium tramdenum* Dai & Yakovl (Trám đen) là cây gỗ lớn thuộc lớp Hai lá mầm của ngành Ngọc lan có tác dụng chữa viêm da và sâu răng; *Piper lolot* C. DC (Lá lốt) là cây thân thảo thuộc lớp Hai lá mầm của ngành Ngọc lan có tác dụng chữa phong thấp...

- Cây dùng bộ phận rễ để làm thuốc chiếm 16,90% (đạt 12 loài), bao gồm các loài như: *Clerodendrum cyrtophyllum* Turcz (Bọ mẩy) là dạng cây bụi thuộc họ Cỏ roi ngựa của ngành Ngọc lan có tác dụng phòng viêm gan B và chữa bệnh tiểu đường; *Dioscorea cirrhosa* Lour (Củ nâu) là dạng dây leo thuộc họ Củ nâu của ngành Ngọc lan có tác dụng chữa bệnh ghẻ lở, viêm da...

Với kết quả đạt được ở trên cho thấy, việc sử dụng bộ phận cả cây, rễ hay thân làm thuốc sẽ rất bất lợi trong công tác bảo tồn nguồn gen cây thuốc, vì vậy chúng ta cần phải xây dựng và thực hiện các biện pháp gây trồng các loài cây thuốc mà có bộ phận sử dụng làm thuốc là cả cây, rễ hoặc thân để nhằm bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc trên địa bàn xã Liên Minh nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

3.5. Đa dạng về công dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

Trong kinh nghiệm dân gian, một số loài cây thuốc có thể có tác dụng với nhiều loại bệnh và cũng có khi phải sử dụng nhiều loài cây kết hợp với nhau mới chữa được một loại bệnh.

Kết quả điều tra về đa dạng công dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu đạt được được ghi nhận tại bảng 5.

Bảng 5. Tỷ lệ số loài cây thuốc có công dụng chữa các nhóm bệnh cụ thể

STT	Nhóm bệnh chữa trị	Số loài	Tỷ lệ %
1	Bệnh về hệ tiêu hóa (đau bụng, dạ dày, trĩ,...)	16	22,54
2	Bệnh do thời tiết (ho, sốt, cảm, đậu lào,..)	14	19,72
3	Bệnh về xương khớp (phong thấp, đau lưng, đau xương,...)	14	19,72
4	Bệnh về thận (sỏi thận, suy thận, lợi tiểu,...)	11	15,49
5	Bệnh về vết thương (viêm nhiễm, giảm đau, bỏng,...)	10	14,08
6	Bệnh về gan (sơ gan, giải độc gan, viêm gan,..)	9	12,68
7	Thanh nhiệt, giải độc	6	8,45
8	Bệnh về hệ tuần hoàn (mỡ máu, huyết áp, tim,...)	5	7,04
9	Thuốc bổ, suy nhược	4	5,63
10	Thuốc tắm	3	4,23
11	Bệnh tiểu đường	3	4,23
12	Bệnh sinh lý, bệnh phụ nữ, vô sinh, hậu sản,...	2	2,82
13	Bệnh bướu (ung thư, u hạch,...)	2	2,82

Ghi chú: Tỉ lệ % trong bảng hơn 100% do một loài có thể có công dụng chữa trị nhiều loại bệnh khác nhau.

Những dẫn liệu trên cho thấy, cộng đồng dân tộc Dao ở xã Liên Minh có thể sử dụng kiến thức và kinh nghiệm về cây thuốc để chữa trị được 13 nhóm bệnh khác nhau, trong đó có những căn bệnh nan y như: ung thư, gan, thận, tim, xương khớp, đường hô hấp,... Số lượng cây thuốc dùng chữa trị bệnh theo kinh nghiệm dân gian của dân tộc Dao ở xã Liên Minh tập trung phần lớn vào 6 nhóm bệnh về tiêu hóa, do thời tiết, xương khớp, thận, vết thương và gan, cụ thể như sau:

- Có 16/71 loài cây được phát hiện có công dụng chữa các bệnh về tiêu hóa, chiếm tỷ lệ 22,54% so với tổng số loài cây đã phát hiện. Các loài cây ở nhóm này thuộc các họ như: Zingiberaceae (họ Gừng); Asteraceae (họ Cúc); Myrtaceae (họ Sim),... Một số loài có thể kể đến như: *Wedelia chinensis* (Osbeck) Merr (Sài đất) dùng chữa bệnh nóng ruột; *Psidium guajava* L. (Ổi) dùng chữa đau bụng; *Stretocaulon juventas* (Lour.) Merr (Hà thủ ô trắng) dùng chữa bệnh dạ dày; *Paederia scandens* (Lour.) Merr (Mơ lông) dùng chữa bệnh tiêu chảy; *Breynia fruticosa* (L.) Hook. F (Bù cu vẽ) dùng chữa đi ngoài ra máu; *Carica papaya* L. (Đu đủ) sử dụng rất tốt cho hệ tiêu hóa.

- Nhóm bệnh do thời tiết và bệnh về xương khớp đều được phát hiện có 14/71 loài cây có công dụng chữa các bệnh, chiếm 19,72%. Một số loài cây chữa các bệnh do thời tiết có thể kể đến như: *Cymbopogon citratus* (Sả chanh), *Bambusa blumeana* Schult. & Schult. F (Tre lá ngà), *Citrus aurantifolia* (Chanh ta) đều có tác dụng chữa ho; *Thysanolaena maxima* (Roxb.) Kuntze (Đót) dùng chữa mỏi mệt; *Pluchea indica* (L.) Less (Cúc tần) có tác dụng hạ nhiệt; Riếp cá (*Houttuynia cordata* Thumb) có tác dụng hạ sốt... Tương tự loài có tác dụng chữa bệnh về xương khớp có thể kể đến như: *Drymaria diandra* Blume (Đơn xương) có tác dụng chữa gãy xương; *Psophocarpus tetragonolobus* (L.) DC (Đậu rồng) có tác dụng chữa phong tê thấp, tê bì, liệt; *Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin (Ngũ gia bì chân chim) dùng chữa bệnh khớp; *Gnetum montanum* Mar kgr (Dây gắm); *Caesalpinia sappan* L. (Vang)...

- Có 11/71 loài cây được phát hiện có công dụng chữa các bệnh về thận, chiếm tỷ lệ 15,49%. Các loài cây thuộc nhóm này chủ yếu thuộc các họ: Equisetaceae (họ Mộc tặc); Poaceae (họ Hòa thảo); Plantaginaceae (họ Mã đề); Dillenniaceae (họ Sổ)... Một số loài phổ biến ở nhóm này có thể kể đến như: *Equisetum debile* Roxb (Mộc tặc) có tác dụng chữa bệnh thận, đái vàng và mỏi mệt; *Lygodium flexuosum* Sw. (Thòng bong) có tác dụng chữa bệnh thận, phù gan và gãy xương; *Pennisetum purpureum* Schum (Cỏ đuôi voi) có tác dụng chữa thận và giảm béo; *Plantago major* L. (Mã đề) chữa bệnh sỏi thận; *Dischidia acuminata* Cost (Tai chuột) chữa bệnh về gan, thận; *Erythropalum scandens* Blume (Bò khai); *Zanthoxylym nitidum* (Roxb.) DC (Hoàng lực)...

- Có 10/71 loài cây được phát hiện có công dụng chữa các bệnh về vết thương, chiếm 14,08%. Các loài này phân bố chủ yếu trong các họ: Asteraceae (họ Cúc); Polygonaceae (họ Rau răm), Bignoniaceae (họ Chùm ớt); Dioscoreaceae (họ Củ nâu)... Một số loài có thể kể đến như: *Kalanchoe pinnata* (Lamk.) Pers (Thuốc bỏng) có tác dụng giải độc trị bỏng; *Dioscorea cirrhosa* Lour (Củ nâu) có tác dụng chữa viêm da và bệnh ngoài da,...

- Có 9/71 loài cây được phát hiện có công dụng chữa các bệnh về gan, chiếm 12,68%. Các loài này thuộc các họ như: Cucurbitaceae (họ Bầu bí); Malvaceae (họ Cẩm quỳ); Scrophulariaceae (họ Hoa mõm chó),... Một số loài phổ biến có thể kể đến như: *Adenosma indiana* (Lour.) Merr (Bồ bồ); *Clerodendrum cyrtophyllum* Turcz (Bọ mẩy); *Diplocyclos*

palmatus (L.) C. Jeffrey (Lưỡng luân chân vịt); *Abutilon indicum* (L.) Sweet (Cối xay),...

Tóm lại, từ những kết quả ở trên đã chứng minh được rằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc Dao ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai rất phong phú và đa dạng.

3.6. Những cây thuốc quý hiếm thuộc diện cần bảo tồn

Kết quả điều tra đã xác định các loài cây thuốc thuộc diện cần bảo vệ ở khu vực xã Liên Minh được ghi tại bảng 6.

Bảng 6. Danh mục cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ghi nhận ở xã Liên Minh, huyện Võ Nhai

STT	Tên loài	Cấp quy định		
		SĐVN 2007	32/NĐ-CP	DLĐCT
1	Trám đen - *Canarium tramdenum* Dai & Yakovl.	VU A1a,c,d+2d		
2	Bình vôi tán ngắn - *Stephania sinica* Diels		IIA	

Ghi chú: SĐVN: Sách đỏ Việt Nam; 32/2006/NĐ-CP: Nghị định số 32 của Chính phủ; DLĐCT: Danh lục đỏ cây thuốc; VU: Sắp nguy cấp - Vulnerable; IIA: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Dữ liệu trên cho thấy, tại khu vực nghiên cứu đã phát hiện có 2 loài cây thuốc thuộc danh sách các loài quý hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam (chiếm 2,82% tổng số loài cây thuốc được phát hiện), thuộc 2 chi, 2 họ của một ngành thực vật bậc cao. Trong đó, có loài *Canarium tramdenum* Dai & Yakovl (Trám đen) thuộc cấp VU - loài sắp nguy cấp, *Canarium tramdenum* Dai & Yakovl có công dụng chữa các bệnh viêm họng, viêm da, đau răng và đau đầu; loài *Stephania sinica* Diels (Bình vôi tán ngắn) thuộc cấp IIA - loài hạn chế khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại, *Stephania sinica* Diels có công dụng chữa các bệnh về dạ dày.

Với những kết quả nghiên cứu đạt được của công trình này sẽ là nguồn tài liệu quan trọng góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu cho các Ban, Ngành chức năng xây dựng các chiến lược, chính sách để bảo tồn và khai thác các loài thực vật làm thuốc này một cách có kế hoạch và bền vững, đặc biệt là các loài cây thuốc quý hiếm có nguy cơ bị suy giảm về số lượng.

IV. KẾT LUẬN

Đã xác định được 71 loài cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), ngành Dương xỉ (Pteridophyta), ngành Thạch tùng (Lycopodiophyta), ngành Dây gắm (Gnetophyta). Trong đó, ngành Ngọc lan có 67 loài, ngành Dương xỉ có 2 loài, ngành Thạch tùng và Dây gắm có 1 loài có công dụng làm thuốc.

Dạng sống của cây thuốc được cộng đồng dân tộc Dao khu vực nghiên cứu sử dụng nhiều nhất lần lượt là cây thân thảo (32 loài cây), dây leo (13 loài cây), gỗ nhỏ (12 loài cây), cây bụi (9 loài cây), gỗ trung bình (2 loài cây), gỗ lớn (2 loài cây) và thấp nhất là cây kí sinh (1 loài cây).

Đã xác định được sự phân bố của các loài cây thuốc theo môi trường sống chủ yếu là ở rừng (35 loài), đứng thứ 2 là ở vườn (34 loài), đứng thứ 3 là ở đồi (22 loài) và cuối cùng là ở ven sông, ven suối, ao (8 loài).

Các bộ phận cây thuốc được cộng đồng dân tộc Dao khu vực nghiên cứu sử dụng làm thuốc nhiều nhất lần lượt là bộ phận cả cây (35 loài), lá (15 loài), rễ (12 loài), thân (7 loài), quả (7 loài), vỏ (5 loài) và hạt (1 loài).

Kết quả đã thống kê được 13 nhóm bệnh khác nhau được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của dân tộc Dao ở xã Liên Minh. Trong đó tỉ lệ số loài có công dụng chữa bệnh tập trung nhiều nhất ở 6 nhóm bệnh về tiêu

hóa, do thời tiết, xương khớp, thận, vết thương và gan.

Số lượng cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn có 2 loài, chiếm 2,82% tổng số loài cây thuốc thu được, bao gồm các loài: *Canarium tramdenum* Dai & Yakovl. (Trám đen), *Stephania sinica* Diels (Bình vôi tán ngắn).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Hà Nội, tập 1 - 2.
2. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Đỗ Tất Lợi, 2005. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. Hà Nội.
4. Nguyễn Tập, 2007. Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam. Mạng lưới lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Hà Nội.
5. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại Học Quốc gia Hà Nội.
7. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. Sách đỏ Việt Nam, phần Thực vật, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
8. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/CP-NĐ về nghiêm cấm, hạn chế khai thác và sử dụng các loài động thực vật hoang dã.
9. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn Lâm Việt Nam, 2006. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2 - 3.
10. Ủy ban nhân dân xã Liên Minh, 2017. Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Lâm nghiệp xã Liên Minh năm 2017.
11. Viện Dược Liệu, 1993. Tài nguyên cây thuốc Việt Nam, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Email tác giả chính: nguyenthithuhien@tuaf.edu.vn

Ngày nhận bài: 02/10/2018

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/11/2018

Ngày duyệt đăng: 27/11/2018